

Nhà nước Hoa Anh trong lịch sử phong kiến

Nguyễn Văn Giác¹

¹ Trường Đại học Thủ Dầu Một.
Email: vanjack.nguyen@gmail.com

Nhận ngày 25 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 7 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Sau đại nạn Vijaya, hai bộ phận lãnh thổ Aryaru (Phú Yên) và Kauthara (Khánh Hòa) hợp thành thuộc quốc Hoa Anh. Lê Thánh Tông đã phong vương cho người đứng đầu nước Hoa Anh là Bàn La Trà Duyệt. Sự phản kháng của Bàn La Trà Duyệt là nguyên nhân dẫn đến cuộc chinh phạt lần hai của Lê Thánh Tông. Sau cuộc chinh phạt này, Lê Thánh Tông chính thức lấy Đá Bia làm cột mốc lãnh thổ. Trai Á Ma Phát Am được chỉ định làm phiên vương của nước Hoa Anh trên phần đất Kauthara còn lại; sau đó nhập vào Panduranga và lập nên nhà nước Hậu Champa.

Từ khóa: Bàn La Trà Duyệt, Lê Thánh Tông, Nhà nước Hoa Anh, Trai Á Ma Phát Am.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: After the Vijaya incident, the two territories of Aryaru (Phu Yen) and Kauthara (Khanh Hoa) were merged to form the Hoa Anh colony. The Vietnamese emperor Le Thanh Tong gave the title of *Vương*, which means the king of a colony (under another country, the head of which, in this case, Le Thanh Tong himself, would be called *đế*, or Emperor) to the head of Hoa Anh, who was P'au Lo T'ou Yue. The latter's rebellion was later the cause of the second conquest of Le Thanh Tong, after which the Vietnamese emperor officially chose Da Bia as the landmark of the national border. Trai A Ma Phat Am was nominated to be the *vương* of Hoa Anh in the remaining Kauthara territory. He then merged Kauthara into Panduranga and formed the Post-Champa state.

Keywords: P'au Lo T'ou Yue, Le Thanh Tong, Hoa Anh State, Trai A Ma Phat Am.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Tên gọi Nhà nước Hoa Anh xuất hiện chỉ một lần trong bộ quốc sử triều Hậu Lê mà không kèm thêm một chỉ dẫn nào, các tài

liệu về sau khi bàn định vấn đề này cũng không thống nhất với nhau. *Quốc sử quán triều Nguyễn* giữ nguyên đoạn trích về Hoa Anh trong chính sử triều Lê, kèm thêm lời chú: “Nước Hoa Anh dòng dõi về sau mồn

mỗi suy yếu, nay không thể khảo cứu được” [17]. Lê Thành Khôi cho rằng: “Champa từ nay thu hẹp vào các quận Kauthara và Panduranga...”. “Champa lấy lại được một phần trong số lãnh thổ này vào thế kỷ XVI nhờ các vụ lộn xộn đang xảy ra tại Đại Việt. Ranh giới sẽ được đẩy tới đèo Cù Mông. Năm 1611, Nguyễn Hoàng sẽ vượt biên giới này khi chiếm tỉnh Phú Yên” [4, tr.283]. Phần đất sau này được gọi là Phú Yên thì từ sau năm 1471 có thời điểm thuộc lãnh thổ Hoa Anh.

Lương Ninh diễn giải: “Năm 1611, Nguyễn Hoàng sai Văn Phong làm tướng đem quân vào đánh lại, Chiêm Thành bị thua, vua là Po Nit (1603-1613) phải bỏ đất Hoa Anh rút quân về phía Nam Đèo Cả. Lần này họ Nguyễn lấy hẳn đất Hoa Anh, lập ra một phủ mới là phủ Phú Yên...” [6, tr.213]. Nguyễn Thị Hậu cho rằng: “... thời điểm này (1611) cũng được coi là thời điểm nước Hoa Anh chính thức chấm dứt sự tồn tại của nó trong khoảng 140 năm kể từ năm 1471” [17]. Theo Tạ Chí Đại Trường: “Sự quan Nguyễn hẳn theo Phan Huy Chú, người cho Nam Bàn là vùng được coi là của Thủy Xá, Hỏa Xá tức vùng Bắc và Trung Tây Nguyên ngày nay, còn Hoa Anh thì không khảo cứu được. Tuy nhiên, có thể cho Hoa Anh là ở vùng Tây Nguyên vì hai chữ này có ý nghĩa những biểu trưng về mình, cờ xí giáo mác. Chuyện Thủy Xá, Hỏa Xá là của thời chúa Nguyễn, người Lê Sơ không biết chuyện đó...” [19].

Các nhà Champa học (Danny Wong Tze-Ken, Po Dharma, P-B. Lafont), dù không bàn về Hoa Anh cùng Nam Bàn, song đều khẳng định từ sau năm 1471, vương quốc Champa của Bồ Trì Trì bao gồm cả hai địa khu Panduranga và Kauthara [13], [15], [16]. P-B. Lafont cho rằng: “Một

khi miền Bắc bị rơi vào tay của Đại Việt, vương quốc Champa vẫn còn tiếp tục hiện hữu nhưng bị thu hẹp lại ở miền Nam nằm trên lãnh thổ của tiểu vương quốc Kauthara và Panduranga, nơi mà người dân có bản chất rất là hiếu động, luôn luôn đòi tự trị và đôi lúc còn tìm cách tách rời ra khỏi liên bang Champa để tạo cho mình một quốc gia độc lập” [13, tr.184-185]. Lập luận này đồng nghĩa với sự nhìn nhận Hoa Anh và Nam Bàn án ngữ phần còn lại nằm giữa ranh giới phía nam Đại Việt tại Cù Mông và phía bắc Champa tại Đá Bia (núi Thạch Bi), trải rộng từ bờ biển đến tận thượng nguyên.

Như vậy, lãnh thổ Champa của Bồ Trì Trì được Đại Việt phong vương bao gồm Panduranga và Kauthara; tiểu quốc Hoa Anh tồn tại trong khoảng 1471-1611 tại vùng đất nằm giữa Cù Mông với Đại Lĩnh và Nam Bàn. Không có dẫn giải nào khác xung quanh vấn đề Hoa Anh (từ người đứng đầu đất nước được thụ phong đến các biến cố nội tình của vương quốc). Bài viết này góp phần tìm hiểu về lãnh thổ và người đứng đầu Nhà nước Hoa Anh trong lịch sử phong kiến.

2. Lãnh thổ của Nhà nước Hoa Anh

Đại Việt và Champa đã bùng phát xung đột trong năm đầu thập niên 70 của thế kỷ XV. Sau sự kiện quốc vương Maha Bàn La Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ đánh úp Hóa Châu, hoàng đế Lê Thánh Tông lập tức thống lĩnh 26 vạn tinh binh dừng mãnh và nhằm thẳng hướng kinh thành Vijaya của đối phương tiến đánh. Quốc vương Champa cùng 50 thành viên hoàng gia bị bắt sống và bị áp giải về Đông

Đô, còn phần đất đai vừa chiếm được thì lập thành đạo thừa tuyên Quảng Nam (đơn vị hành chính cấp đạo, xứ thừa tuyên thứ 13 trên toàn lãnh thổ Đại Việt). Sau khi chiến thắng, Lê Thánh Tông đã định đoạt để chế Champa, sử sách ghi chép như sau: “Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng của hắn là Bô Trì Trì chạy đến Phiên Lung, chiếm cứ đất ấy, xưng là chúa Chiêm Thành, Trì Trì lấy được 1 phần 5 đất của nước Chiêm, sai sứ sang xưng thần, nộp cống, được phong làm vương. Vua lại phong vương cho cả Hoa Anh và Nam Bàn gồm 3 nước để ràng buộc” [12, t.1, tr.450].

Phần đất đai do Bô Trì Trì chiếm giữ thuộc Panduranga, một trong những địa khu thời phục hưng Champa dưới triều đại Chế Bồng Nga (1360-1390), được viên tướng kế vị La Ngai (1390-1400) thừa hưởng (bao gồm: Indrapura, Amavarati, Vijaya, Kauthara, Panduranga, Aryaru²). Nhà Hồ (1400-1407) trong giai đoạn trị vì ngăn ngừa từng chiếm giữ Indrapura và Amavarati, nhưng sau đó dựa vào thế lực của Minh triều, Jaya Sinhavarman (1400-1441), người con kế vị La Ngai đã thu phục đem trả về cho vương quốc.

Nam Bàn có địa giới nằm về phía Tây dãy Đại Lĩnh, bao gồm đất đai của hai tiểu quốc Thủy Xá và Hỏa Xá; trong khi đó Hoa Anh là phần đất đai còn lại dọc dài ở phía đông giáp biển. Cả hai thuộc quốc Hoa Anh và Nam Bàn trước đó đều nằm trong định chế Champa theo cơ cấu hợp bang. Rõ ràng, sự phân chia này nhằm khiến cho đối phương tự kiềm chế lẫn nhau theo thế chân vạc, mặt khác tạo thành một vùng đệm ngăn cách giữa Đại Việt với Champa từ miền thượng nguyên trải ra biển cả.

Lãnh thổ của Hoa Anh quốc nằm khoảng giữa núi Cù Mông và sông Phan Rang.

Đường biên giới phía bắc của Hoa Anh được xác định tại Cù Mông. Năm 1446, Lê Nhân Tông đem hơn 60 vạn quân đánh lấy Vijaya, bắt quốc vương Maha Vijaya về Đông Đô; đồng thời cũng trao trả quyền cai trị toàn bộ vương quốc lại cho người cháu là Maha Quý Lai. Sau chiến thắng này, Lê Thánh Tông đã ra lệnh niêm phong tất cả kho tàng, của cải trong thành, không được đốt cháy. Nhằm ngăn ngừa tình trạng cướp bóc lộn xộn của binh lính, Lê Thánh Tông đã bố trí một bộ phận lớn quân lính lưu lại để làm nhiệm vụ trấn giữ và thiết lập hệ thống dinh điền [12, t.2, tr.449]. Lê Thánh Tông không có ý định tấn phong một hậu duệ nào để duy trì triều đình Champa trên đất Vijaya. Còn đường ranh giới phía Nam của lãnh thổ Hoa Anh là sông Phan Rang (chủ ý của Lê Thánh Tông càng đẩy xa vùng đệm bao nhiêu càng an toàn cho bờ cõi Đại Việt vừa được xác lập bấy nhiêu).

3. Người đứng đầu Nhà nước Hoa Anh trong lịch sử

Người được hoàng đế Lê Thánh Tông phong vương đầu tiên của vương quốc Hoa Anh vào mùa xuân năm 1471 là Bàn La Trà Duyệt, anh của Bàn La Trà Toàn. Bàn La Trà Duyệt nguyên là một vị đại quan trong triều đình Maha Vijaya (1441-1446), nắm giữ những chức vụ quan trọng dưới các triều Maha Quý Lai (1446-1449), Maha Quý Do (1449-1458). Bàn La Trà Duyệt quê ở Cri Vini (Thị Nại), lấy cùng lúc con gái và cháu gái của quốc vương Maha Vijaya làm vợ. Năm 1458, Bàn La Trà Duyệt tổ chức cuộc ám sát Maha Quý Do, đoạt ngôi, cầu phong hoàng đế nhà Minh và được công nhận. Nhờ sự che chở của nhà

Minh (Bàn La Trà Duyệt công nạp hậu hĩnh cho nhà Minh), Bàn La Trà Duyệt công khai chống lại Đại Việt và tái thực hiện đường lối tự chủ thời trị vì của quốc vương Maha Vijaya (bố vợ của Bàn La Trà Duyệt) [1, tr.420]. Bàn La Trà Duyệt cũng có cái tên Trung Hoa là P'an Loyue, cái tên này được nhà Minh ghi nhận vào năm Thiên Thuận thứ 2 (1458) [14, tr.234]. Năm 1460, Bàn La Trà Duyệt thoái vị, nhường ngôi cho em. Tuy nhiên, theo tài liệu từ thời thì ông bị ép buộc chứ không phải tự nguyện rời bỏ ngôi vị mà bản thân phải tốn nhiều công sức và thời gian mới giành được. Theo tài liệu từ thời nhà Minh: “Quốc vương Maha Bàn La Trà Duyệt mới đây được phong tước vương, nổi nghiệp quản lý việc nước, chưa được 4 năm đã vội mất, cái lý kế thừa không thể thiếu. Người em là Bàn La Trà Toàn, tính tình đôn hậu, biết giữ lễ khiêm cung (...) phong chức quốc vương Chiêm Thành” [11, tr.69] (Bàn La Trà Toàn đã tung tin Bàn La Trà Duyệt chết do đi sứ sang Trung Hoa (mục đích là để hợp thức hóa sự tiếm quyền của mình). Thực tế, vị quốc vương (con rể của Maha Vijaya) vẫn còn sống và đang bị người em trai giam lỏng ở một nơi bí mật nào đó tại kinh thành, rông rã 11 năm trong niên đại chấp chính của Bàn La Trà Toàn (1460-1471). Bàn La Trà Duyệt được hoàng đế Lê Thánh Tông giải thoát và phục hồi ngôi vị.

Tinh thần phản kháng của Bàn La Trà Duyệt lại trở dậy dù nhận được sự khoan dung của hoàng đế Lê Thánh Tông. Bàn La Trà Duyệt ngấm ngấm vận động các thế lực quý tộc địa phương để xây dựng lực lượng. Bàn La Trà Duyệt dốc toàn lực mở cuộc tấn công bất ngờ ra phủ ly Hoài Nhân, nhằm chiếm lại đất bản bộ Vijaya. Nhà nước Hoa An nhận được sự trợ giúp nhất định từ các

vua xứ Nam Bàn (Thủy Xá, Hỏa Xá). Bàn La Trà Duyệt không nhận được sự trợ giúp của Bô Trì Trì (viên tướng này chiếm lĩnh miền Phiên Lung và sai sứ sang xưng thần, nộp cống để Đại Việt thụ phong). Bô Trì Trì (trước kia phò tá cho Bàn La Trà Toàn chống lại Bàn La Trà Duyệt) đang tranh chấp sự kế thừa vương quyền Champa chính thống với Bàn La Trà Duyệt. Bô Trì Trì muốn làm “ngư ông đắc lợi” trong cuộc giao tranh này, nên không động binh.

Bàn La Trà Duyệt sai sứ đoàn sang nhà Minh thỉnh cầu sắc phong và xin sự trợ giúp. Sự kiện này được ghi chép như sau: “Vào tháng 2 năm Thành Hóa thứ 7, quan An Nam đến đánh phá kinh thành, bắt quốc vương Bàn La Trà Toàn cùng gia thuộc hơn 50 người, tịch thu ấn quý, phá hủy nhà cửa, cướp giết quân dân nam nữ nhiều không kể xiết. Nay em của vương là Bàn La Trà Duyệt tạm thời coi việc nước, cúi xin được phân xử” [11, tr.86]. “... phong cho Bàn La Trà Duyệt, em cố quốc vương Bàn La Trà Toàn, kế tập chức quốc vương Chiêm Thành” [11, tr.87]. Như vậy, Vijaya (bố vợ của Bàn La Trà Duyệt) và Bàn La Trà Duyệt đều được các hoàng đế Minh triều chính thức thừa nhận quyền vương ngay tại xứ sở trị vì. Đây là vinh quang trong triều đại thứ XIII và thứ XIV trong lịch sử đế chế Champa³.

Biến cố đã xảy ra trước khi Bàn La Trà Duyệt thụ hưởng ân huệ sắc phong từ thiên sứ Minh triều. Hoàng đế Lê Thánh Tông nổi cơn thịnh nộ trước sự bất phục của kẻ phiên thần do chính mình dựng lên, ngày 8 tháng 11 năm Tân Mão (1471) đích thân nhà vua nam chinh lần thứ hai [12, t.2, tr.458]. Lê Thánh Tông cử Chinh lỗ tướng quân Lê Niệm dẫn cầm quân đi tiên phong

(Lê Niệm là tướng tiên phong trong cuộc chinh phạt Vijaya một năm về trước) [8, tr.1120] cùng đại binh cứu viện từ Đông Đô phối hợp nghênh chiến. Đội quân của Lê Thánh Tông đã đập tan cuộc tấn công của Hoa Anh tại miền biên thùy Cù Mông và tiếp tục truy kích đối phương đến thành Hồ. Bàn La Trà Duyệt buộc phải lùi vào dãy Đại Lĩnh hiểm trở ở phía nam. Diễn biến cuộc nổi dậy này được ghi chép như sau: “... khi hàng hải đến cảng Tân Châu, Chiêm Thành, quân phòng thủ từ chối không cho vào, người thông dịch cho biết đất này đã bị An Nam chiếm, còn quốc vương Chiêm Thành ty nạn tại Linh Sơn. Khi đến Linh Sơn thì được biết cả nhà Bàn La Trà Duyệt bị An Nam bắt và đất Chiêm Thành bị đổi tên thành châu Giao Nam. Bọn Tuấn không dám ghé vào, nhưng thuyền chở hàng hóa tư, cùng nhiều thương nhân, nên lấy cớ bị gió bão rồi đi tiếp đến Mãn Lạt Gia” [11, tr.92-93]. Địa danh Linh Sơn được định vị trên bản đồ nằm hơi xa về phía nam thành Vijaya [11, tr.95] là núi Thạch Bi. Tại đây, Lê Thánh Tông đã cho quân vây bắt vị phiên vương Hoa Anh nổi loạn cùng vợ con và tướng sĩ sống sót, dẫn giải về giam giữ tại Đông Đô. Lúc này, lãnh thổ của Hoa Anh đã bị thu hẹp, chỉ còn lại mỗi địa vực Kauthara. Thời gian này, biên giới của Đại Việt được cắm mốc bởi ngọn núi có bia đá nhiên tạo với tục danh Đá Bia mà về sau có tên chữ Thạch Bi sơn. Trên đồ bản toàn quốc xác định vào tháng 4 năm Canh Tuất (1490), ranh giới tận cùng phía nam được chính thức ghi nhận là dãy núi Thạch Bi [3].

Vị phiên vương được chỉ định thay thế là một người cháu của Bàn La Trà Toàn. Theo sử sách: “Sau khi lấy Chiêm Thành, người

An Nam cho lính đi bắt P'au Lo T'ou Yue (tên gọi khác của Bàn La Trà Duyệt) và đưa một người cháu gọi vua cũ là Trai Á Ma Phát Am bằng chú (bác) lên làm vua, trên khoảng đất ở phía nam biên thùy” [14, tr.239]. Với sự tấn phong này, Trai Á Ma Phát Am trở thành người kế vị chính thống không chỉ đối với Kauthara, mà còn cả miền Panduranga của Bồ Trì Trì. Sau đó, Trai Á Ma Phát Am đã hủy bỏ định chế phiên thần Hoa Anh, thống nhất hai địa khu Kauthara và Panduranga thành nhà nước Hậu Champa. Lê Thánh Tông nhận thấy thời điểm này chưa đủ nguồn lực nên cũng tạm gác lại những vấn đề của nhà nước Hậu Champa.

Năm 1478, Trai Á Ma Phát Am sai sứ thần sang Trung Hoa dâng biểu xin sắc phong nhằm tạo hậu thuẫn cho mục tiêu phục hưng vương quốc. Lời thỉnh cầu này được nhà Minh triều chấp thuận. Sứ đoàn mang chiếu chỉ phong vương cho Champa lần này không vướng phải một trở ngại nào. Đây cũng là lần cuối cùng nhà Minh cử sứ đoàn vượt biển đến Champa trực tiếp tấn phong. Ba năm sau, người em tên là Cổ Lai sát hại Trai Á Ma Phát Am, giành ngôi [8, tr.613]. Cổ Lai tiếp tục sai sứ thần thỉnh phong và đề đạt nguyện vọng nhờ cái uy của thiên triều mà lệnh cho Đại Việt trả lại đất đai. Thỉnh cầu này của Cổ Lai không được toại nguyện, dù nhà Minh có viết thư hăm dọa nhà Lê⁴.

Cột mốc chính thức thời kỳ này vẫn là núi Thạch Bi, giới hạn cương vực Champa trong 5 bộ phận đất đai thuộc 2 địa khu Kauthara và Panduranga, trong đó địa khu Kauthara gồm hai xứ Ia Ru và Ia Trang (Ninh Hòa và Nha Trang ngày nay); địa khu Panduranga gồm 3 xứ (Phan Rang, Phan Rí và Phan Thiết ngày nay).

Với phần lãnh thổ vừa mới xác lập dọc dài nằm giữa dãy Trường Sơn và biển Champa, nhà nước Đại Việt chưa thể đồng loạt khai thác do thiếu nguồn nhân lực, nhất là vùng thung lũng trắc trở từ Cù Mông đến Thạch Bi (lãnh thổ Hoa Anh quốc trước đây). Cổ Lai, lợi dụng khó khăn này của Đại Việt để chiếm lại bộ phận đất đai cũ phía bắc. Cổ Lai tập trung binh lực khôi phục thành Hồ, lấy đây làm căn cứ trung tâm. Thành Hồ đã được tu sửa, gia cố một cách vững chắc hơn ở niên đại cuối thế kỷ XV đầu XVI. Theo Lương Ninh: “Từ sau năm 1471, việc xây dựng đền tháp hầu như bị ngừng hẳn để dồn sức cho việc xây dựng một thành lũy chưa từng có. Thành này... nằm trên bờ Bắc sông Đà Rằng” [6, tr.211]. Nhà nước Đại Việt từ sau thời trị vì của hoàng đế Lê Thánh Tông đã lâm vào tình trạng khủng hoảng kéo dài (do hàng ngũ kế vị bất tài và tiếp đó là nội chiến triền miên), nên tạm gác lại những xung đột với vùng đất mới mở gần biên thùy. Một thế kỷ sau, dưới sức ép của quyền lực chính trị khu vực kiến lập trong điều kiện mới, thành Hồ lần nữa bị san bằng và vương quốc Champa buộc phải lùi về đường biên cũ tại núi Thạch Bi⁵.

4. Kết luận

Lịch sử Hoa Anh quốc giống dấu gạch nối trong tiến trình phân tách và tái hợp của thể chế Champa. Không có mốc niên đại cuối đích xác cho Hoa Anh quốc vì còn nhiều tranh luận, song thời gian trị vì của những người đứng đầu Nhà nước Hoa Anh đã cho thấy khoảng trống nhất định của lịch sử. Những thành tựu thời Hậu Champa về sau

được kết tinh từ tinh thần tự tôn cùng lòng nhiệt huyết phục hưng của dân tộc Champa trong bước chuyển mình nửa cuối thế kỷ XV.

Chú thích

² Theo ý kiến nhà Dân tộc học Nguyễn Văn Huy, ngoài 5 địa khu thường được nhắc đến trong thiết chế hợp bang của vương quốc Champa, còn có thêm địa khu thứ sáu Aryaru (Phú Yên ngày nay) nằm giữa Vijaya và Kauthara (Bình Định và Khánh Hòa ngày nay) [18].

³ Nagara Campa là tên gọi của vương quốc Champa, chỉ liên minh bao gồm người Chăm và người cao nguyên. Bên cạnh đó, trên các bia ký và tài liệu lịch sử còn có thuật ngữ Urang Campa (thuật ngữ này chỉ tất cả người dân Nagara Campa, không có sự phân biệt giữa người đồng bằng với người miền núi) [5, tr.23].

⁴ Trong văn kiện ngoại giao, Lê Thánh Tông tỏ thái độ mềm mỏng trước triều đình nhà Minh về vấn đề đất đai của Champa như sau: “Phàm đất đai mà Chiêm Thành được phong rất cần cỗi, nhà thì nghèo nàn, vườn không có tơ dâu, núi không có của báu, biển thiếu lợi về cá muối; chỉ có ngà voi, sừng tê giác, tô mộc, trầm hương mà thôi; mà nước thần sản xuất những thứ đó nhiều, nên không cho là quý. Lấy được đất đó không thể ở được, lấy được dân đó không thể dùng được, được sản phẩm đó không đủ để giàu, được cái thể đó cũng không trở nên mạnh được. Giữ gìn đất đó rất khó, mà lợi thì ít... đó là lý do tại sao thần không chiếm đoạt đất đai Chiêm Thành để biến thành châu quận... Vậy xin đặc sai sứ giả thiên triều đích thân đến xem đất đai, và phục hưng dòng bị tuyệt, khiến cho nước Chiêm Thành trên dưới được an tập; nơi biên thùy của thần cũng được yên ổn...” [14, tr.104-105]. Biết trước sự tra

xét hết sức mù mờ về các khu vực đất đai Champa của các sứ thần nhà Minh, hoàng đế Lê Thánh Tông không chịu nhượng bộ, sau khi đã giao trả một phần lãnh thổ Hoa Anh quốc là xứ Kauthara cho vua kẻ vị Trai Á Ma Phát Am.

⁵ Năm 1578, Tổng trấn Nguyễn Hoàng sai Lương Văn Chánh tấn công thành Hồ, san bằng hệ thống cứ điểm quân sự kiên cố, đồng thời là nơi thương mại sầm uất thuộc địa phận bắc Champa, sau đó lui binh về án ngữ ở ranh giới cũ Cù Mông [17, tr.89].

Tài liệu tham khảo

- [1] Chhabra, B. Ch (1935), *Sự bành trướng của văn hóa Ấn - Arian trong thời đại Pallava, qua chứng cứ bia ký*, Báo cáo, A.S.B. T.I. (Bia Chợ Dinh).
- [2] Coedès, George (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đình Đầu (1996), “Phải chăng bản đồ Alexandre de Rhodes 1650 vẽ theo bản đồ Hồng Đức 1490?”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 33.
- [4] Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [5] Li Tana (1999), *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế - xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Lương Ninh (2006), *Vương quốc Champa*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (1993), *Đại Nam liệt truyện*, Nxb Thuận Hóa, Huế, t.1.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, t.1.
- [9] Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, t.3.
- [10] Vũ Quỳnh, Kiều Phú (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [11] Hồ Bạch Thảo (2010), *Minh thực lục: quan hệ Trung Quốc - Việt Nam thế kỷ XIV – XVII*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, t.3.
- [12] Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, t.2, t.3.
- [13] Lafont, Pierre-Bernard (2011), *Vương quốc Champa: Địa dư, Dân cư và Lịch sử*, International Office of Campa.
- [14] Maspéro, George (1928), *Vương quốc Chăm*, Nxb Van Oest, Paris & Bruxelles.
- [15] Po Dharma (1997), “Survvol de l’histoire du Campâ”, in *Le Musée de Sculpture Cam de Da Nang*, AFAO-EFEO, Paris.
- [16] Tze-Ken, Danny Wong (1997), “Relations between the Nguyen Lords of Southern Vietnam and the Champa Kingdom: A Preliminary Study”, *Sejarah, Journal of the Department of History University of Malaya*. No.5.
- [17] <https://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=8901>, truy cập ngày 31/3/2018.
- [18] <https://nghiencuulichsu.com/2016/08/31/tim-hieu-cong-dong-nguoi-cham-tai-viet-nam>, truy cập ngày 21/4/2014.
- [19] <http://nghiencuulichsu.com/2017/11/28/chuyen-su-cham-trong-toan-thu>, truy cập ngày 31/3/2018.